ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG NINH PHONG

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**36.015.436.000**	**TỔNG SỐ CHI**	**36.015.436.000**
I. Các khoản thu hưởng 100%	**2.441.000.000**	**I. Chi đầu tư phát triển**	**28.400.000.000**
1. Phí - lệ phí	156.000.000	Chi đầu tư XDCB	28.400.000.000
- Phí, lệ phí trên địa bàn	*130.000.000*	**II. Chi thường xuyên**	**7.466.436.000**
- Phí môn bài tư hộ kinh doanh	*26.000.000*	1. Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	1.242.453.000
2. Thu khác tại xã phường	2.265.000.000	*- Dân quân tự vệ*	*270.032.000*
- Phạt vi phạm hành chính	*20.000.000*	*- An ninh ,trật tự*	*972.421.000*
- Thu khác	*93.600.000*	2. Chi sự nghiệp giáo dục	1.142.520.000
- Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất	*2.151.400.000*	3. Sự nghiệp y tế, dân số	20.000.000
3. Hoa lợi cộng sản	20.000.000	4. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	148.296.000
II. Các khoản phân chia theo tỷ lệ (1)	**28.266.436.000**	5. Sự nghiệp truyền thanh	100.272.000
1. Thuế SD đất phi nông nghiệp	490.000.000	6. Sự nghiệp thể thao	70.464.000
2. Lệ phí trước bạ nhà đất	162.000.000	7. Chi sự nghiệp kinh tế	62.479.000
3. Thuế GTGT	37.811.000	8. Sự nghiệp môi trường	100.000.000
4. Thuế thu nhập cá nhân	1.176.625.000	9. Sự nghiệp xã hội	166.736.000
- Từ bất động sản	1.156.532.000	Hưu xã	92.832.000
- Từ hộ kinh doanh	20.093.000	Chính sách XH khác	73.904.000
5. Thu tiền sử dụng đất	26.400.000.000	10. Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.285.340.000
III. Thu bổ xung từ ngân sách cấp trên	5.308.000.000	Quản lý nhà nước	2.486.023.000
- Trợ cấp cân đối	4.133.000.000	Đảng Cộng sản Việt Nam	996.633.000
- Bổ sung có mục tiêu	1.175.000.000	Mặt trận tổ quốc Việt Nam	148.964.000
		Đoàn thanh niên CSHCM	180.089.000
IV. Thu chuyển nguồn	**0**	Hội Liên Hiệp phụ nữ Việt Nam	178.683.000
		Hội Cựu chiến binh	130.712.000
		Hội nông dân	164.236.000

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
		11. Hội người cao tuổi	42.812.000
		12. Hội chữ thập đỏ	22.516.000
		13. Hội khuyến học	17.516.000
		14. Các chức danh khác	35.032.000
		15. Chi hoạt động các tổ chức xã hội (da cam, TNXP .....)	10.000.000
		III. Dự phòng ngân sách	**149.000.000**

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách phường hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho phường

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG NINH PHONG

Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	
		Thu NSNN	Thu NS phường
	Tổng thu ngân sách (I+II+III+IV+V)	**893.803.000.000**	**36.015.436.000**
I	**Các khoản thu hưởng 100%**	**2.441.000.000**	**2.441.000.000**
1	Phí - lệ phí	156.000.000	156.000.000
	Phí lệ phí trên địa bàn	130.000.000	130.000.000
	Phí môn bài từ hộ kinh doanh	26.000.000	26.000.000
2	Thu khác	2.285.000.000	2.285.000.000
	Hoa lợi công sản	20.000.000	20.000.000
	Phạt vi phạm hành chính	20.000.000	20.000.000
	Thu khác ngân sách	93.600.000	93.600.000
	Thu hỗ trợ khi nhà nươc thu hồi đất	2.151.400.000	2.151.400.000
II	**Các khoản phân chia theo tỷ lệ**	**886.054.000.000**	**28.266.436.000**
1	Thuế SD đất PNN	700.000.000	490.000.000
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	810.000.000	162.000.000
3	Thuế GTGT	207.000.000	37.811.000
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.000.000	
5	Thuế thu nhập cá nhân	4.331.000.000	1.176.625.000
-	Từ bất động sản	4.221.000.000	1.156.532.000
-	Từ hộ kinh doanh	110.000.000	20.093.000
6	Tiền sử dụng đất	880.000.000.000	26.400.000.000
III	**Thu Chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		
IV	**Kết dư ngân sách**		
V	**Thu bổ sung**	**5.308.000.000**	**5.308.000.000**
1	Bổ sung cân đối	4.133.000.000	4.133.000.000
2	Bổ sung có mục tiêu	1.175.000.000	1.175.000.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG NINH PHONG

Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Nội dung		Dự toán 2022		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
1		5	6	7
	Tổng số	**36.015.436.000**	**28.400.000.000**	**7.615.436.000**
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	**2.742.453.000**	**1.500.000.000**	**1.242.453.000**
+	Chi dân quân tự vệ	270.032.000		270.032.000
+	Chi an ninh trật tự	2.472.421.000	1.500.000.000	972.421.000
2	Chi sự nghiệp giáo dục	13.142.520.000	12.000.000.000	1.142.520.000
3	Chi ứng dụng chuyển giao công nghệ	-		
4	Chi sự nghiệp y tế	5.020.000.000	5.000.000.000	20.000.000
5	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	2.316.296.000	2.168.000.000	148.296.000
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền thanh	252.272.000	152.000.000	100.272.000
7	Chi sự nghiệp thể theo	70.464.000		70.464.000
8	Chi sự nghiệp môi trường	100.000.000		100.000.000
9	Chi các hoạt động kinh tế	62.479.000	-	62.479.000
10	Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	11.993.216.000	7.580.000.000	4.413.216.000
	Trong đó: Quỹ lương	-		
10.1	Quản lý nhà nước	10.066.023.000	7.580.000.000	2.486.023.000
10.2	Đảng cộng sản Việt Nam	996.633.000		996.633.000
10.3	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam	148.964.000		148.964.000
10.4	Đoàn thanh niên cộng sản HCM	180.089.000		180.089.000
10.5	Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam	178.683.000		178.683.000
10.6	Hội cựu chiến binh Việt Nam	130.712.000		130.712.000
10.7	Hội nông dân Việt Nam	164.236.000		164.236.000
10.8	Các tổ chức xã hội	127.876.000		127.876.000
11	Chi công tác xã hội	166.736.000	-	166.736.000
-	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định	92.832.000		92.832.000
-	Trợ cấp xã hội khác	73.904.000		73.904.000
12	Dự phòng ngân sách	149.000.000		149.000.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG NINH PHONG

Biểu số 111/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Đồng

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2021	Giá trị đã thanh toán đến ngày 31/12/2021	Dự toán năm 2022			
			Tổng số	trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	Tổng cộng		**41.130.709.000**	-	**31.864.291.000**	**20.592.254.000**	**26.400.000.000**	**9.573.945.000**	**26.400.000.000**	-
1	Mở rộng khuôn viên, xây dựng cơ sở vật chất trường Mầm non Ninh Phong – giai đoạn II	2020-2021	3.303.900.000		**3.021.000.000**	**2.000.000.000**	1.020.000.000	1.020.000.000	1.020.000.000	
2	Mở rộng khuôn viên, xây dựng cơ sở vật chất trường Mầm non Ninh Phong	2019-2020	14.735.849.000		14.735.000.000	8.494.194.000	5.240.000.000	5.240.000.000	5.240.000.000	
3	Lắp đặt camera an ninh tại các tuyến đường trên địa bàn	2021-2021	680.705.000		680.700.000	-	280.700.000	280.700.000	280.700.000	
4	Đầu tư hệ thống loa truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông trên địa bàn phường Ninh Phong	2021-2021	480.063.000		480.063.000		480.063.000		480.063.000	
5	Cải tạo nâng cấp tuyến đường phố An Lạc, phường Ninh Phong	2021-2021	1.296.122.000		996.484.000	800.000.000	196.000.000	196.000.000	196.000.000	
6	Nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa phố Vân Giang	2020-2020	458.357.000		442.670.000		442.670.000	442.670.000	442.670.000	
7	Cải tạo, sửa chữa nhà đa năng,nhà một cửa, nhà văn hóa phường Ninh Phong	2019-2020	1.228.233.000		1.214.480.000	1.074.008.000	140.472.000	140.472.000	140.472.000	
8	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 3 tầng trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND phường Ninh Phong	2019-2020	1.213.751.000		1.201.364.000	1.064.584.000	136.780.000	136.780.000	136.780.000	

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2021	Giá trị đã thanh toán đến ngày 31/12/2021	Dự toán năm 2022			
			Tổng số	trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	Tổng cộng		**41.130.709.000**	**-**	**31.864.291.000**	**20.592.254.000**	**26.400.000.000**	**9.573.945.000**	**26.400.000.000**	**-**
9	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục trong trụ sở phường và nhà văn hóa phường Ninh Phong	2020-2021	1.211.081.000		1.209.739.000	1.124.341.000	85.398.000	85.398.000	85.398.000	
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ngõ 74 đường Hai Bà Trưng, Phố Phong Đoài, phường Ninh Phong	2021-2022	1.200.000.000				1.200.000.000		1.200.000.000	
11	Xây dựng đường giao thông và cống thoát nước khu dân cư 68 lô, phố An Hòa, phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình	2022-2022	5.818.000.000				5.200.000.000		5.200.000.000	
12	Sửa chữa cải tạo nhà văn phường	2005-2006	1.685.400.000		1.227.615.000	1.065.983.000	161.632.000	161.632.000	161.632.000	
13	Hạng mục phụ trợ trụ sở Đảng uỷ-HĐND - UBND	2007-2007	3.361.828.000		2.655.176.000	2.405.334.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000	
14	Nâng cấp, cải tạo nhà học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Ninh Phong, phường Ninh Phong	2021-2022	4.457.420.000		4.000.000.000	2.563.810.000	1.670.293.000	1.670.293.000	1.670.293.000	
15	Cải tạo khối nhà hiệu bộ - lớp học 2 tầng và các hạng phục phụ trợ khác trường THCS Ninh Phong	2022-2022					3.273.810.000		3.273.810.000	
16	Cải tạo, nâng cấp sân, nhà trụ sở công an phường Ninh Phong	2022-2022					1.500.000.000		1.500.000.000	
17	Cải tạo, nâng cấp sân, nhà 2 tầng trường mầm non Ninh Phong	2022-2022					1.672.182.000		1.672.182.000	
18	Xây dựng phòng làm việc bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả phường Ninh Phong	2022-2023					3.500.000.000		3.500.000.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG NINH PHONG

Biểu mẫu số 112/CK TC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Nội dung	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021			KẾ HOẠCH NĂM 2022		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	**213.478**	**28.406.900**	**(28.193.422)**	**150.000.000**	**120.000.000**	**30.000.000**
- Quỹ Đền ơn đáp nghĩa và an sinh xã hội	213.478	28.406.900	(28.193.422)	150.000.000	120.000.000	30.000.000